TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2023/DS-ST
Ngày: 07-8-2023
V/*v:"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chì

2. Bà Phạm Tường Vi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 173/2023/TLST-DS ngày 26/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1970; Trú tại: Số F, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn P1, sinh năm 1961; Trú tại: Số H, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn:

+ Ông Phạm Chí L, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số A, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2020, ông Phạm Văn P với ông Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L1 có giao kết hợp đồng bằng lời nói về việc xây dựng nhà cấp 4, kiểu chữ L, kết cấu tường, bê tông cốt thép, dán gạch tường, nền lót gạch, mái tol, tiền công là 650.000 đồng/m^2 . Sau khi xây dựng xong, hai bên thống nhất tổng diện tích xây dựng là 223m^2, thành tiền công là 145.587.000 đồng. Ngày 12/02/2022, ông Phạm Văn P có yêu cầu vợ chồng ông L bà L1 thanh toán tiền nợ nhưng ông L, bà L1 hẹn đến tháng 01/2023. Sau đó, ông L, bà L1 yêu cầu ông Phạm Văn P phải sửa chữa nâng cửa sổ lên 02cm và dán gạch lại 01 cây cột để không trả tiền cho ông Phạm Văn P.

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền là 145.587.000 đồng. Yêu cầu ông Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L1 trả lãi từ ngày 01/6/2021 đến ngày 31/3/2023 là 25.375.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện; yêu cầu ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền là 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2023, bị đơn ông Phạm Chí L trình bày:

Ông L thừa nhận vào tháng 4/2020, ông L và ông Phạm Văn P có giao kết hợp đồng bằng lời nói về việc xây dựng nhà cấp 4, kết cấu tường, bê tông cốt thép, dán gạch tường, nền lót gạch, mái tol, tô sơn bên ngoài, thỏa thuận tiền công là 650.000 đồng/m^2 ; vật tư xây dựng thì do gia đình ông L tự mua. Tổng diện tích xây dựng là 223m^2 bao gồm nhà chính và nhà dưới.

Quá trình xây dựng đến khi dán gạch thì ông L phát hiện 08 cửa sổ căn nhà bị lệch, cao thấp lệch khoảng 05 phân; nhà dưới thì 03 cây cột bị cong dẫn đến tường nhà bị cong theo; 01 cây cột hàng ba xây và dán gạch bị ngược. Ông L phát hiện việc xây dựng bị lỗi có nói lại ông P nhưng không có yêu cầu ông P sửa vì do là anh em ruột để tự thỏa thuận thương lượng sau. Nhà được xây mới hoàn toàn, không có bản vẽ, chỉ xây dựng theo kinh nghiệm thực tế tại địa phương, xây dựng được khoảng 04 – 05 tháng thì gia ông L dọn vào ở khi nhà chưa hoàn thiện do coi ngày giờ dọn nhà. Ngoài ra nhà vẫn chưa được tô sơn ở phía bên ngoài (do ông L yêu cầu ngừng thi công vì bị hụt tiền).

Đối với yêu cầu của ông P thì ông L không đồng ý do căn nhà chưa được hoàn thiện theo như thỏa thuận nên ông P yêu cầu trả trọn số tiền 650.000 đồng/m^2 là không phù hợp; ông L đồng ý trả cho ông P số tiền công là 500.000 đồng/m^2 với tổng diện tích xây dựng là 223m^2.

Ngoài ra, ông L và con ông L là Phạm Chí T, sinh năm 1997 được ông Phương m làm culi trong thời gian là 03 tháng với tiền công là 250.000 đồng/ngày/người. Ông L yêu cầu ông P phải trả lại cho ông L và con ông L số tiền này trước khi ông L trả tiền công xây nhà cho ông P.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông P, ông L không đồng ý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt không có lời trình bày .

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 385, 513, 515, 519, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền là 125.000.000 đồng, ghi nhận ông P không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ (thi công nhà ở) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền là 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông P cung cấp tờ tường trình của ông Lử Văn Đ, Văn bản trình bày ý kiến của ông Phan Văn Đ1, Hồ Hoàng P2, Nguyễn Văn Đ2, Đoàn Văn C. Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2023, ông Phạm Chí L cũng thừa nhận có sự việc thuê ông Phạm Văn P xây dựng nhà vào tháng 4/2020 với diện tích và giá đã thỏa thuận như ông P đã trình bày trong đơn khởi kiện. Do đó, có đủ cở sở xác định giữa ông Phạm Văn P với ông Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L1 có xác lập hợp đồng dịch vụ (thi công nhà ở) tiền công là 650.000 đồng/m^2, tổng diện tích xây dựng là 223m^2. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt trong hai lần Tòa án triệu mời hòa giải nên không có ý kiến trình bày gì khác.

[4.2] Ông Phạm Chí L cho rằng quá trình xây dựng đến khi dán gạch thì phát hiện 08 cửa sổ căn nhà bị lệch, cao thấp lệch khoảng 05 phân; nhà dưới thì 03 cây cột bị cong dẫn đến tường nhà bị cong theo; 01 cây cột hàng ba xây và dán gạch bị ngược. Do căn nhà chưa được hoàn thiện theo như thỏa thuận nên ông P yêu cầu trả trọn số tiền 650.000 đồng/m^2 là không phù hợp; ông L đồng ý trả cho ông P số tiền công là 500.000 đồng/m^2 với tổng diện tích xây dựng là 223m^2. Thấy rằng, mặc dù cho rằng ông P xây nhà bị lỗi, nhưng ông L, bà L1 vẫn đồng ý dọn vào để ở, không có ý kiến yêu cầu phía ông P phải chữa hay có khiếu nại gì với ông P. Tòa án cũng đã ra thông báo về việc yêu cầu ông L, bà L1 cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông P thi công bị lỗi như lời ông L trình bày nhưng ông L, bà L1 không cung cấp nên không có cơ sở xem xét lời trình bày này của ông L.

[4.3] Ông Phạm Chí L cho rằng ông L và con là Phạm Chí T được ông Phương m làm culi trong thời gian là 03 tháng với tiền công là 250.000 đồng/ngày/người. Ông L yêu cầu ông P phải trả lại số tiền này trước khi trả tiền công xây nhà cho ông P. Tòa án cũng đã ra thông báo về việc yêu cầu ông L, bà L1 cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông P có thuê mướn ông L và con ông L nhưng ông L, bà L1 không cung cấp nên không có cơ sở xem xét.

[4.4] Tại các biên bản làm việc vào ngày 07/6/2023 của Tòa án với các ông Phan Văn Đ1, Lử Văn Đ, Hồ Hoàng P2, Nguyễn Văn Đ2 là những người được ông P2 thuê để xây dựng nhà, tất cả đều xác định quá trình xây dựng nhà và giao nhà đều không nghe ông Phạm Chí L có thắc mắc gì, đồng thời cũng không nghe nói về việc ông P2 có thuê mướn cha con ông L trong quá trình xây dựng nhà.

[4.5] Nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 45.962.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4.6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P, buộc ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền là 125.000.000 đồng, ghi nhận ông P không yêu cầu tính lãi.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới chịu theo quy định.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Văn P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 513; Điều 515; Điều 519; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P đối với số tiền 45.962.000 (Bốn mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P đối với ông Phạm Chí L, bà Nguyễn Thị L1 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ (thi công nhà ở). Buộc ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền là 125.000.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, ghi nhận ông Phạm Văn P không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Phạm Chí L và bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới chịu là 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn P tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 634.000 (Sáu trăm ba mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005764 ngày 22/5/2023 và số tiền 3.640.000 (Ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005665 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. Thới Thạnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền